

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/DS-ST
Ngày: 29/8/2019
“V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi và vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Bà Lê Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2019/TLST-DS, ngày 10/7/2019. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐST-DS, ngày 08/8/2019 giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977 và ông **Hồ Thanh T**, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà L, bà H có mặt. Ông T vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:***

Bà có làm chủ 2 dây hụi như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 10/02/2013 âm lịch, 45 hụi viên, 1 lần khai 3 hụi viên, 6 tháng khai 1 lần. Bà H tham gia 2 phần, trong phiếu hụi tên “H”. Bà H hốt hụi 1 phần là 59.000.000 đồng ngày 10/02/2017 âm lịch và 1 phần ngày 10/02/2018 âm lịch là 59.760.000 đồng. Ông T có ký tên, bà H nhận tiền. Khi hốt hụi, bà H, ông T đều biết.

Sau khi hốt hụi, bà H có đóng hụi chết cho bà nhưng kỳ hụi tháng 02/2019 là không đóng hụi chết là (5.000.000 đồng x 2 phần = 10.000.000 đồng).

- Dây hụi thứ 2: Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 15/8/2013 âm lịch, có 29 hụi viên, khui 1 lần 2 người, 6 tháng khui 1 lần. Bà H tham gia 1 phần, tên trong phiếu hụi “H”. Bà H hốt hụi ngày 15/8/2015 âm lịch. Sau đó, bà H đóng hụi chết đủ, chỉ thiếu kỳ hụi tháng 02/2019 âm lịch là 5.000.000 đồng.

Hụi vẫn hoạt động bình thường. Tổng cộng 2 dây hụi trên bà đã đóng thay cho bà H là 15.000.000 đồng. Khi bà đi gom hụi nhưng bà H vắng nhà thì ông T nói điện hỏi bà H đi. Bà khởi kiện các kỳ hụi vi phạm của tháng 02/2019, nếu sau này bà H vi phạm không đóng hụi chết đầy đủ thì bà sẽ khởi kiện tiếp.

Ngoài ra, bà H và ông T còn vay của bà rất nhiều lần, tổng cộng là 39.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà H là người trực tiếp gọi điện thoại cho bà để vay tiền. Tiền này bà đưa cho cháu Thiện con bà H 10.000.000 đồng để đưa cho bà H tiền mua máy dầu bơm nước. Trước đó, bà có đưa cho ông T 5.000.000 đồng bà không biết ông T làm gì. Số tiền còn lại bà H mượn từ từ bà không nhớ ngày, số tiền cụ thể từng lần nhưng tổng cộng là 39.000.000 đồng. Các lần đưa tiền không ghi giấy, nhưng khi cho vay 10.000.000 đồng thì bà mới yêu cầu bà H ghi giấy nợ cho bà là ngày 25/10/2018. Bà H hứa sẽ trả tiền cho bà ngày 25/02/2019 nhưng không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà H, ông T phải liên đới trả cho bà tổng cộng 15.000.000 đồng tiền hụi + 39.000.000 đồng tiền vay = 54.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

** Bị đơn Nguyễn Thị H trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà thừa nhận lời trình bày của bà L về diễn biến quá trình tham gia 2 dây hụi nêu trên và tiền vay là đúng. Bà đã hốt cả 2 dây hụi và không đóng hụi chết đầy đủ cho bà L. Dây hụi thứ nhất khui ngày 10/02/2013 âm lịch bà còn nợ bà L một kỳ hụi chết tháng 02/2019 là (5.000.000 đồng x 1 kỳ x 2 phần = 10.000.000 đồng). Dây hụi thứ hai khui ngày 15/8/2013 âm lịch, bà còn nợ kỳ hụi chết tháng 02/2019 là 5.000.000 đồng. Tổng cộng 2 dây hụi bà thiếu của bà L là 15.000.000 đồng (tính đến thời điểm tháng 02/2019 âm lịch).

Về phần tiền vay 39.000.000 đồng đúng như bà L trình bày. Giấy vay tiền ngày 25/10/2018 là do bà ghi. Bà yêu cầu ông T cùng trả nợ vì ông T đã nộp đơn ly hôn với bà nên nợ cũng phải giải quyết. Tiền hụi và tiền vay bà để tô nhà, mua máy dầu, sử dụng chi xài trong gia đình, chăm lo con cái, nhà cửa. Ông T đi làm rất ít đưa tiền cho bà. Ông T đã nộp đơn ly hôn với bà tại Tòa án huyện Thủ Thừa nên bà thống nhất với bà L là ông T phải có trách nhiệm liên đới với bà để trả nợ hụi, vay cho bà L. Con trai bà là Hồ Thanh Th có đi lấy tiền giùm rồi giao lại cho bà. Con bà không có liên quan gì trong vụ án này.

** Ông Hồ Thanh T trình bày tại bản tự khai ngày 26 và ngày 28/8/2019 có nội dung như sau:*

Ông là thợ hồ từ năm 2000 cho đến nay, thu nhập bình quân 40.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, ông còn canh tác 02 ha ruộng thu nhập một vụ lúa khoảng 40.000.000 đồng, tích góp xây nhà năm 2014. Năm 2017, ông còn nhận chuyển nhượng 01 ha đất thửa đất số 236, tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã MA, huyện X nên không có việc vay tiền ai xây nhà. Nhiều năm nay, bà H gây nợ trên 1 tỷ nhưng ông không biết nguyên nhân. Bà H không chăm lo cho gia đình, con cái. Ông đã chuyển nhượng đất để trả nợ nhưng bà H tiếp tục gây nợ bằng việc chơi hụi, cầm xe, vay tiền xã hội đen. Cuộc sống gia đình ông ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Ông đã bỏ sang nhà chị ruột sinh sống hơn 1 năm nay. Các khoản tiền vay, nợ của bà H với các chị em bà H là nợ không, ông không có ký tên vào giấy vay tiền và không biết gì về khoản tiền này. Ông không biết bà H sử dụng tiền vào mục đích gì. Do đó, ông không đồng ý liên đới trả nợ với bà H. Ông T có nộp bản tự khai của bà Hồ Thị Ngọc L chị ruột của ông có nội dung trình bày như của ông T.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463, 471 Bộ luật dân sự, Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T chỉ nộp bản tự khai, vắng mặt suốt quá trình tố tụng, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên tòa án giải quyết vắng mặt đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về phần hui: Bà L và bà H thống nhất về quá trình diễn biến của 2 dây hui nêu trên là đúng như bà L trình bày. Bà H đã hốt cả 2 dây hui và còn nợ tiền hui chết do bà L đã đóng thay. Dây hui thứ nhất khai ngày 10/02/2013 âm lịch bà H còn nợ bà L một kỳ hui chết tháng 02/2019 là (5.000.000 đồng x 1 kỳ x 2 phần = 10.000.000 đồng). Dây hui thứ hai khai ngày 15/8/2013 âm lịch, còn nợ kỳ hui chết tháng 02/2019 là 5.000.000 đồng. Tổng cộng 2 dây hui bà H thiếu bà L là 15.000.000 đồng. (Tính đến thời điểm tháng 02/2019 âm lịch).

Xét thấy, bà H thừa nhận còn nợ bà L 15.000.000 đồng là tiền hui chết chưa đóng của 2 dây hui nêu trên. Hiện nay, các dây hui vẫn hoạt động. Bà H vi phạm nghĩa vụ của hui viên theo Điều 14 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ, nên bà L khởi kiện yêu cầu bà H trả 15.000.000 đồng tiền hui chết đóng thay (tính đến thời điểm tháng 02/2019 âm lịch) là có căn cứ chấp nhận.

- Về phần tiền vay: Bà H thừa nhận có nợ bà L số tiền 39.000.000 đồng như bà L trình bày. Bà L cho rằng thực chất bà H, ông T đã vay của bà tổng cộng 39.000.000 đồng. Số tiền này bà đưa nhiều lần cho bà H một vài triệu, đưa ông T 5.000.000 đồng, đưa cho cháu Th con bà H 10.000.000 đồng đem về cho bà H. Giấy vay tiền ngày 25/10/2018 (hạn trả nợ ngày 25/02/2019) là do bà H ghi. Số tiền vay tổng cộng là 39.000.000 đồng nhưng khi viết giấy vay, bà H ghi nhầm số tiền bằng chữ là "ba mươi triệu đồng". Bà L xác định bà H, ông T nợ bà 39.000.000 đồng nhưng do bà H ghi nhầm thành chữ "ba mươi triệu đồng" thì bà cũng chấp nhận vì bà H là em ruột của bà đang gặp khó khăn, bà cũng đã nhiều lần cho tiền, gạo. Ông T nói bà âm mưu với bà H để ghi nợ không là không có. Ông T đã biết việc vay tiền và còn trực tiếp nhận tiền của bà mà nói không biết là không đúng sự thật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L xác định yêu cầu bà H và ông T phải liên đới trả cho bà 30.000.000 đồng tiền vay gốc, không yêu cầu lãi suất. Xét thấy, bà H thừa nhận đến nay chưa trả tiền cho bà L như đã thỏa thuận nên bà L khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền là có cơ sở, phù hợp với quy định tại điều 463, 466 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

- Về lãi suất: Việc bà L không yêu cầu tính lãi suất trên số tiền nợ hui 15.000.000 đồng và tiền vay 30.000.000 đồng là sự tự nguyện và có lợi cho bị đơn, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về nghĩa vụ trả nợ hui và vay: Bà L xác định ông T biết việc hui và vay tiền của bà H vì ông T có ký tên, nhận tiền trực tiếp từ bà nên yêu cầu ông T phải liên đới với bà H trả nợ hui, vay cho bà.

Ông T không đồng ý liên đới trả nợ với bà H vì ông cho rằng không biết nguyên nhân bà H gây nên nợ, ông không ký tên giấy vay tiền và không biết bà H sử dụng tiền vào mục đích gì. Xét thấy, các phần hội, tiền vay của bà L diễn ra từ năm 2013 khi hôn nhân giữa ông T và bà H vẫn đang tồn tại. Ông T không chứng minh được bà H sử dụng tiền hội này vào mục đích cá nhân. Theo Luật hôn nhân và gia đình đã quy định tại Điều 19 như sau "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...." đây vừa là quyền vừa là nghĩa vụ. Khi mối quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H vẫn đang tồn tại, ông T phải quan tâm đến việc của bà H làm để biết cuộc sống gia đình như thế nào mà có biện pháp giải quyết. Nay ông T cho rằng không biết nguyên nhân bà H gây nợ, ông nghi ngờ bà H sử dụng tiền hội, vay vào mục đích phi pháp và cho rằng chị em bà H ghi nợ không nên không đồng ý liên đới trả nợ là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của anh Hồ Thanh Th ngày 08/8/2019 là con ruột sống cùng nhà của ông T, bà H là người có nhận thức đầy đủ, đã trưởng thành, hiểu rõ nhất hoàn cảnh gia đình đã xác định có thấy ông T nói chuyện với các chủ nợ, trong đó có bà L và ông T biết về việc chơi hội, vay tiền của bà H. Việc tiền bạc vay mượn của ông T, bà H không liên quan gì đến anh. Ông T không chứng minh được việc bà H sử dụng tiền hội vào mục đích cá nhân. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014, ông T phải có trách nhiệm liên đới với bà H trả cho bà L 45.000.000 đồng.

Từ các phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà H, ông T như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X. Buộc bà H, ông T liên đới trả cho bà L số tiền 45.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H, ông T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26 và các điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Luật hôn nhân và gia đình;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với Bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội và vay tài sản”.

Buộc Bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 45.000.000 đồng. (Trong đó tiền hội là 15.000.000 đồng, tiền vay là 30.000.000 đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, thì Bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới chịu 2.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Long An;
- THA, VKS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng